

QUỐC HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 72/2018/QH14

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ
xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;

Theo đề nghị của Chủ tịch nước tại Tờ trình số 05/TTr-CTN ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan;

Sau khi xem xét Báo cáo thuyết minh về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan số 522/BC-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 2905/BC-UBĐN14 ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội và trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phê chuẩn điều ước quốc tế**

Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan (*tên tiếng Anh là Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership, sau đây gọi tắt là Hiệp định CPTPP*) được ký ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại thành phố San-ti-a-gô, Cộng hòa Chi-lê. Toàn văn Hiệp định CPTPP ghi tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Áp dụng điều ước quốc tế

Áp dụng toàn bộ nội dung của Hiệp định CPTPP, trong đó áp dụng trực tiếp các quy định của Hiệp định CPTPP tại Phụ lục 02.

Điều 3. Tổ chức thực hiện điều ước quốc tế

1. Giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo thẩm quyền tiến hành rà soát các dự án luật tại Phụ lục 3 và các văn bản pháp luật khác để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới kịp thời, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP.

2. Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm phê duyệt và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương và địa phương triển khai kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực để bảo đảm tận dụng và phát huy các cơ hội, lợi ích mà Hiệp định CPTPP đem lại; đồng thời xây dựng, triển khai hiệu quả các biện pháp phòng ngừa và xử lý những tác động bất lợi có thể phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định CPTPP; thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ nội dung Hiệp định để tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về việc Việt Nam tham gia Hiệp định CPTPP.

3. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan hoàn thành thủ tục phê chuẩn Hiệp định CPTPP và thông báo thời điểm có hiệu lực đối với Việt Nam.

Điều 4. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2018./

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC 1

Toàn văn Hiệp định CPTPP cùng các văn kiện liên quan

*(Kèm theo Nghị quyết số /2018/QH14 của Quốc hội
ngày 12 tháng 11 năm 2018)*

(Tập tin điện tử toàn văn Hiệp định CPTPP cùng các văn kiện liên quan
và bản dịch tiếng Việt được đăng tải trên trang
http://dbqh.na.gov.vn/A16.08_HIEP_DINH_CPTPP/)

PHỤ LỤC 2

**Các cam kết/nhóm cam kết trong Hiệp định CPTPP
được áp dụng trực tiếp khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam**
(Kèm theo Nghị quyết số /2018/QH14 của Quốc hội,
ngày 12 tháng 11 năm 2018)

STT	Nội dung Hiệp định CPTPP được áp dụng trực tiếp	Thời điểm thực hiện
1	Biểu thuế tại Phụ lục Chương 2 Hiệp định CPTPP.	Khi Hiệp định có hiệu lực
2	Điều 1.3 Mục B Chương 1. Khái niệm “Doanh nghiệp nhà nước (state enterprise) là doanh nghiệp được sở hữu, hoặc được điều hành thông qua phần quyền sở hữu, bởi một Bên” để thực hiện nghĩa vụ tại Chương 17 Hiệp định CPTPP về Doanh nghiệp nhà nước.	Khi Hiệp định có hiệu lực
3	Điều 1.3 Mục B Chương 1. Khái niệm “hàng tân trang” là hàng hóa được nằm trong mã HS ¹ từ Chương 84 đến Chương 90 hoặc thuộc phân nhóm 94.02, ngoại trừ các hàng hóa thuộc HS nhóm 84.18, 85.09, 85.10, và 85.16, 87.03 hoặc phân nhóm 8414.51, 8450.11, 8450.12, 8508.11, và 8517.11, mà được cấu thành toàn bộ hoặc từng phần từ các nguyên liệu tái chế và: (a) có thời hạn sử dụng tương tự và có hình thức tương tự như hàng hóa mới; và (b) có điều kiện bảo hành tương tự với hàng hóa mới.	Khi Hiệp định có hiệu lực
4	Điều 2.21 Chương 2 về Trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp. Không ban hành hoặc duy trì trợ cấp xuất khẩu đối với nông sản trừ các biện pháp được nêu tại Điều 10 Hiệp định nông nghiệp WTO.	Khi Hiệp định có hiệu lực

¹ Mã số dùng để phân loại hàng hóa nhập khẩu trên toàn thế giới theo hệ thống phân loại hàng hóa do tổ chức Hải quan Thế giới WCO phát hành có tên là "Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa".

5	Điều 2.26 Chương 2 về Phòng vệ nông nghiệp. Hàng nông nghiệp có xuất xứ từ một Bên sẽ không chịu thuế quan áp dụng đối với trợ cấp đặc biệt theo Hiệp định WTO về Nông nghiệp.	Khi Hiệp định có hiệu lực
6	Điều 3.10 Chương 3 về Cộng gộp. Cho phép cộng gộp toàn phần, được hiểu là cộng gộp phần giá trị gia tăng của sản xuất bất kỳ trên nguyên vật liệu không có xuất xứ vào trị giá có xuất xứ của thành phẩm.	Khi Hiệp định có hiệu lực
7	Điểm a khoản 1 Điều 3.23 Chương 3 về Miễn giấy chứng nhận xuất xứ. Không yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ nếu giá trị hải quan nhập khẩu không vượt quá 1000 Đô la Mỹ hoặc số tiền tương đương bằng đồng tiền của Bên nhập khẩu hoặc một số tiền lớn hơn do Bên nhập khẩu quy định.	Khi Hiệp định có hiệu lực
8	Khoản 12 Điều 7.13 Chương 7 về Minh bạch hóa. Yêu cầu các biện pháp SPS ² có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố trừ các biện pháp áp dụng đối với vấn đề khẩn cấp hoặc biện pháp có mục đích làm thuận lợi thương mại.	Khi Hiệp định có hiệu lực
9	Điều 7.14 Chương 7 về Biện pháp Khẩn cấp. Trường hợp thông qua và áp dụng biện pháp khẩn cấp, trong vòng 6 tháng phải tiến hành đánh giá cơ sở khoa học của biện pháp đó và công bố kết quả đánh giá cho các Nước thành viên khác có yêu cầu.	Khi Hiệp định có hiệu lực
10	Điều 7.16 Chương 7 về trao đổi thông tin. Các bên phối hợp trong việc trao đổi thông tin liên quan đến SPS.	Khi Hiệp định có hiệu lực
11	Phần B Chương 9 về giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Quy trình, thủ tục khởi kiện và giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư của Nước thành viên khác.	Khi Hiệp định có hiệu lực

² Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật